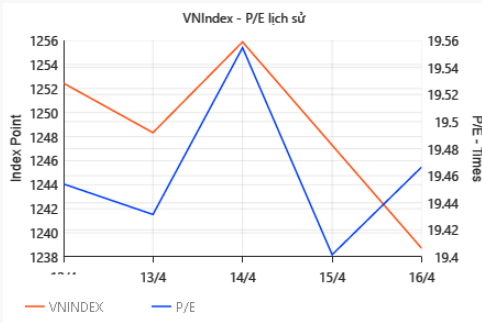
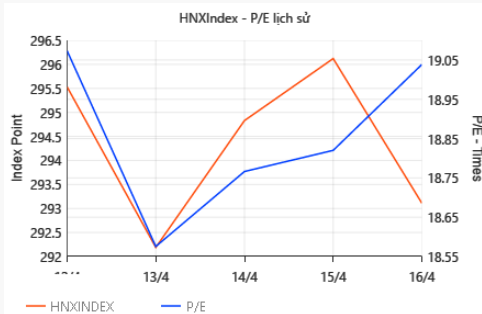


VN-INDEX



Điểm số	1,238.71
Tuần qua (WoW)	0.57%
Từ đầu năm (YTD)	12.22%
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	33.65%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	34.01%
P/E	19.47
P/B	2.61

HNX -INDEX



Điểm số	293.11
Tuần qua (WoW)	-0.23%
Từ đầu năm (YTD)	44.30%
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	12.76%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	11.75%
P/E	19.04
P/B	1.78

Bộ phận Chiến lược đầu tư

THEO DÕI KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ I

Dòng tiền bắt đáy đã gia nhập thị trường sau đà giảm khá mạnh vào phiên thứ 6 nhưng nhìn chung, lực bán vẫn sẽ khó có thể chấm dứt nhanh chóng và diễn biến ngắn hạn sắp tới sẽ cần phải theo dõi chặt chẽ hơn. Các thông tin về kết quả kinh doanh quý I cũng như các buổi họp Đại hội đồng cổ đông sẽ là căn cứ quan trọng để nhà đầu tư quyết định việc giải ngân trong giai đoạn sắp tới.

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ IVS

Danh mục Giao dịch: VIC đã chạm giá mục tiêu chúng tôi đưa ra vào 26/3 với mức lợi nhuận 27.2%. Mở mới vị thế BCG và theo dõi chặt với PVD, FCN, CEO. **Danh mục Nắm giữ:** không có thay đổi trong tuần. **Danh mục theo dõi:** nhóm đã công bố kết quả kinh doanh quý I.

CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH

Chỉ số thị trường không có quá nhiều biến động nhưng một bộ phận không nhỏ các cổ phiếu (chủ yếu là vốn hóa vừa) lại đã trải qua một tuần có thể nói là khó khăn. Hành động cụ thể với nhà đầu tư sẽ là tùy vào tỉ trọng cổ phiếu/tiền mặt trong danh mục cũng như vị thế tại từng cổ phiếu cụ thể. Dù vậy thì kịch bản cơ sở vẫn duy trì tích cực và những hành động mang tính hoảng loạn cũng như tham lam quá mức đều không nên diễn ra.

Nội dung	Tr.	Nội dung	Tr.
Danh mục Khuyến nghị	2	News focus	6
Nhận định chiến lược	3	Factset	6
PTKT VN-Index	5	Lịch đầu tư tuần tới	14

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ IVS
Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)
Kỳ đầu tư: 3-6 tháng

Mã VIC đã chạm giá mục tiêu 145,000 trong ngày 15/04/2021, tương ứng với mức lợi nhuận 27.2% kể từ khi khuyến nghị vào ngày 26/03/2021. Theo dõi chặt với các mã PVD, FCN, CEO. Mã BCG được thêm mới vào danh mục Giao dịch.

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ	Risk: Reward Ratio	Lãi/Lỗ hiện tại
BCG	12/04/21	14,900 – 15,500	21,500	13,600	1:3	-11.6%
DIG	08/04/21	30,000 – 31,000	47,000	27,100	1:4	-8.4%
GMD	07/04/21	35,000 – 36,200	55,000	32,700	1:5	-7.5%
CEO	06/04/21	13,000 – 13,700	19,000	11,900	1:3	-16.8%
STB	30/03/21	19,500 – 21,000	28,500	18,300	1:3	5.2%
TTF	29/03/21	6,900 – 7,500	13,000	6,200	1:4	-2.8%
VIC	26/03/21	109,000 – 114,000	145,000	107,000	1:4.5	25.4%
VCB	18/03/21	96,300 – 98,500	125,000	94,000	1:6	-2.2%
GEG	08/03/21	18,000 – 19,200	28,000	16,800	1:4	-4.7%
FCN	08/03/21	14,000 – 15,000	22,000	13,400	1:4.5	-12.0%
PVD	05/03/21	23,500 – 25,500	40,000	21,900	1:4	-14.3%
TIG	05/03/21	8,300 – 9,300	15,000	8,000	1:4.5	47.3%
GAS	17/02/21	83,000 – 86,500	120,000	76,700	1:3.5	-0.6%
CNG	17/02/21	21,900 – 23,000	31,500	20,600	1:3.5	0.0%
CCL	17/02/21	11,000 – 12,000	19,000	9,700	1:3	14.6%
SAM	17/02/21	11,200 – 12,100	22,500	10,200	1:5	-7.9%
LAF	27/01/21	12,800 – 14,500	21,500	11,800	1:2.5	16.6%
VSH	25/01/21	18,000 – 19,700	30,000	16,900	1:3.5	-4.1%
MSR	21/12/20	19,000 – 21,000	31,000	17,800	1:3	4.8%
SFI	09/12/20	30,700 – 32,500	48,000	29,200	1:5	16.5%
SGP*	01/12/20	10,500 – 11,000	18,500	9,500	1:5	69.1%
PGV	23/11/20	15,000 – 16,000	25,500	13,700	1:4	8.8%
CKG*	19/11/20	10,700 – 11,200	14,300	10,300	1:3.5	63.4%
DRI*	20/10/20	5,000 – 5,500	10,500	4,200	1:4	67.3%

Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)
Kỳ đầu tư: 6-18 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN	Giá khi khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá mục tiêu	Upside kỳ vọng	Upside còn lại	Vượt mục tiêu	Tổng biến động
HAH	02/04/21	1	24,650	Mua vào	29,800	20.9%	29.0%	-	-6.3%
DHC*	30/10/20	1	45,300	Giảm tỷ trọng	50,700	17.1%	-	74.0%	103.7%
VHM*	16/11/20	1	76,600	Nắm giữ	88,315	15.3%	-	14.4%	31.9%
ACB	05/02/21	2	28,500	Mua vào	36,350	27.5%	9.8%	-	47.1%
VPB*	05/02/21	2	37,000	Nắm giữ	40,000	8.1%	-	22.4%	114.7%
MBB*	05/02/21	2	24,750	Nắm giữ	27,000	9.1%	-	11.9%	76.7%
VIB*	05/02/21	1	35,400	Mua vào	45,000	27.1%	-	13.3%	44.1%
TPB	05/02/21	1	26,700	Mua vào	34,500	29.2%	24.5%	-	3.7%
MWG	31/07/20	2	128,500	Nắm giữ	154,500	67.4%	15.3%	-	82.4%
PNJ*	31/07/20	2	80,900	Nắm giữ	86,000	15.0%	-	5.7%	78.2%
SBT	08/02/20	2	20,500	Nắm giữ	24,000	16.8%	9.1%	-	18.9%
QNS	08/02/21	1	37,200	Mua vào	54,000	45.2%	28.6%	-	12.9%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

NHẬN ĐỊNH CHIẾN LƯỢC

Ở thời điểm thị trường đang vận động trong vùng đỉnh, chúng tôi nhận thấy áp lực bán vẫn đang gia tăng. Mặc dù chưa có căn cứ nào để xác định sự thay đổi trong xu hướng chung của thị trường nhưng chúng tôi khuyến nghị NĐT căn cứ vào khẩu vị và mức chịu đựng rủi ro của mỗi người để việc đưa tỷ trọng cổ phiếu về mức vừa phải, đi cùng với việc tập trung danh mục vào các mã duy trì tăng trưởng trong quý I để gia tăng mức độ an toàn của danh mục.

DANH MỤC THEO DÕI

Tính đến hiện tại thì số lượng các mã công bố kết quả kinh doanh quý I đã được khoảng 50-60 doanh nghiệp dựa trên số thống kê của Fiinpro tại ngày 16/4. Trong bối cảnh thị trường đang cho 1 số dấu hiệu tạo đỉnh, việc tập trung vào các doanh nghiệp vẫn duy trì tăng trưởng sẽ giúp giảm rủi ro cho danh mục nhà đầu tư. Trong đó chúng tôi lọc ra nhóm có kết quả kinh doanh đột biến gồm TRC (Doanh thu +93% yoy, LNST +14.3% yoy), DGW (DT +116.6%yoy, LNST +134.5%yoy), SBA (DT +120%yoy, LNST+368%yoy), VTP (DT +106%yoy, LNST +10.3%yoy), DRI (DT+137%yoy, LNST +279%yoy). Nhìn chung, trong khi DRI và TRC đang là ngành phục hồi từ đáy với việc giá cao su thế giới hồi phục, SBA thuộc nhóm thủy điện được dự báo sẽ hưởng lợi trong 2021 với các yếu tố thủy văn đã được dự báo trước trong khi DGW hưởng lợi nhờ sức mua smartphone và máy tính duy trì tăng trưởng trong dịch trong khi VTP đang cung cấp dịch vụ logistics nên được hưởng lợi từ nhu cầu mua sắm online đang gia tăng.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Tài nguyên cơ bản (HPG và nhóm Thép) và Bất động sản (VHM, NVL và VIC) là 2 ngành nổi bật nhất trong tuần qua. Đây cũng là nhóm dẫn dắt và hỗ trợ chính của VN-Index, bên cạnh một mã lớn khác trên thị trường cũng có thể nhắc tới là MSN. Nhóm Tụ doanh và Nước ngoài vẫn duy trì đà bán ròng trong tuần qua.

THỊ TRƯỜNG TOÀN CẦU

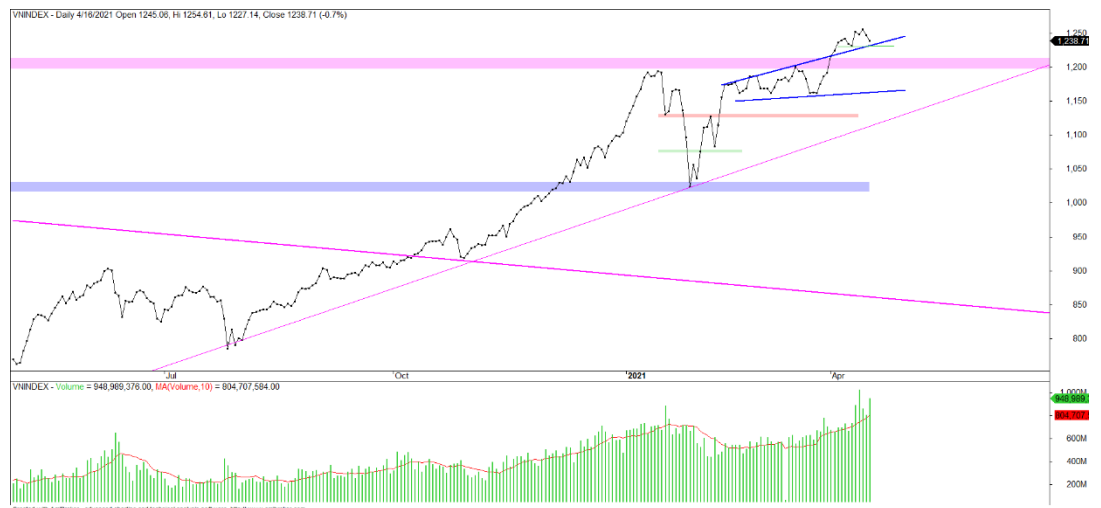
Các chỉ số chính thị trường Việt Nam nhìn chung đều khá giằng co với biên độ biến động hẹp trong tuần qua, chúng tôi vẫn lưu ý nhà đầu tư về việc earning yield của các chỉ số 2 sàn chính (HSX và HNX) vẫn đang nằm trong nhóm cao nhất khi so sánh với các thị trường phát triển và đang phát triển mà chúng tôi đang theo dõi.

Số liệu vĩ mô của nền kinh tế lớn thứ 2 thế giới là Trung Quốc đã cho thấy mức tăng trưởng vẫn rất vững chắc với 13.8% tăng trưởng so với cùng kỳ nhưng tốc độ hồi phục đã không thể đạt được sự kỳ vọng của nhiều bên theo dõi trên thị trường. Việc hồi phục chậm hơn so với kỳ vọng sẽ tạo áp lực lớn do hầu hết các quốc gia phát triển đều đã có kích thích với quy mô lớn vào nền kinh tế.

VNINDEX



(Đồ thị tuần của VNIndex)



(Đồ thị ngày của VNIndex)

Nhận định

VNINDEX có tuần tăng 0.6%, mức tăng nhỏ, đóng cửa tuần ở gần mức thấp nhất tuần, cao hơn một chút so với mở cửa tuần nhưng thấp hơn nhiều so với mức cao nhất tuần. Diễn biến chủ đạo trong tuần là các phiên tăng giảm đan xen. Trong đó, diễn biến đáng chú ý nhất là trong ngày thứ sáu cuối tuần khi thị trường có thời điểm giảm sâu nhưng đã kịp thời hồi phục vào cuối ngày để thu hẹp biên độ giảm, đồng thời khối lượng trong ngày là lớn hơn nhiều so với mức trung bình.

Thị trường tiếp tục diễn biến rung lắc từ tuần trước đó, với việc số lượng mã tăng tương đối thấp và sắc xanh không lan tỏa rộng. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến xu hướng của những cổ phiếu vốn hóa vừa, trong khi các cổ phiếu vốn hóa lớn và một bộ phận vốn hóa nhỏ có diễn biến tích cực hơn. Dù vậy, kịch bản cơ sở cho

toàn thị trường nói chung lúc này vẫn duy trì tích cực, nhiều cổ phiếu tuy giảm nhưng cũng đã trở về vùng hỗ trợ đáng tin cậy.

Vai trò	Vùng điểm của VNIndex
Hỗ trợ	1,070
	1,120 - 1,130
	1,150 - 1,160
	1,200
Kháng cự	1,300 - 1,350

TIÊU ĐIỂM- NEWS FOCUS

CTCP Thành Công Thành-Biên Hoà – SBT VN

HĐQT CTCP Thành Công Thành-Biên Hoà (Mã chứng khoán: SBT) vừa ra nghị quyết phê duyệt các công việc liên quan đến phát hành 12 triệu trái phiếu doanh nghiệp theo hình thức riêng lẻ với mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu, tương đương tổng mệnh giá trái phiếu là 1.200 tỷ đồng. Thời gian phát hành dự kiến phát hành vào quý II/2021. Số tiền huy động được SBT dự kiến dùng để thanh toán các hợp đồng mua đường.

Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – LPB VN

Tính đến hết ngày 31/3/2021, tổng tài sản của LienVietPostBank đạt hơn 245.200 tỷ đồng, tăng trên 20% so với cùng kỳ năm trước. Huy động vốn từ các tổ chức kinh tế và dân cư tiếp tục tăng trưởng tốt, đạt gần 206.300 tỷ đồng. Dư nợ thị trường 1 đạt trên 183.100 tỷ đồng, tăng hơn 6.100 tỷ đồng so với thời điểm kết thúc năm 2020 (+3.44%ytd). Lợi nhuận trước thuế của ngân hàng đạt 1.112 tỷ đồng, tăng gần gấp đôi so với cùng kỳ và là quý có lãi cao nhất trong lịch sử của LPB.

Tổng CTCP Công trình Viettel – CTR VN

Viettel Construction dự kiến sẽ trình ĐHCĐ được tổ chức vào ngày 23/4 tới đây về kế hoạch chi trả cổ tức năm 2020 với tỷ lệ 39,5%, bao gồm 10% cổ tức bằng tiền (1 cổ phiếu nhận 1.000 đồng) và 29,5% cổ tức bằng cổ phiếu. Tại ĐHCĐ tới đây, Viettel Construction dự kiến sẽ trình cổ đông thông qua phương án niêm yết cổ phiếu tại Sở GDCK TP.HCM (HoSE).

THỐNG KÊ CÁC KHUYẾN NGHỊ ĐÃ ĐÓNG
1. Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)
Các trạng thái đã chốt lời của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
SMC	30/10/20	11,200 – 12,000	16,000	11,000	1:4	33.3%	25,500	112.5%
G36	05/11/20	9,160 – 9,830	13,300	8,770	1:3	35.3%	14,700	49.5%
LSS	17/11/20	7,100 – 7,500	12,000	6,400	1:4	60.0%	12,100	61.3%
POS	18/11/20	11,500 – 12,000	19,000	9,950	1:2.5	50.8%	20,500	62.7%
SAC	01/12/20	8,800 – 9,500	14,700	8,300	1:4	54.7%	16,400	72.6%

Các trạng thái đã chốt lời sớm/cắt sớm

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
LDG	22/10/20	6,600 – 6,800	10,300	6,100	1:5	23.1%	8,370	23.1%
HAG	13/11/20	4,500 – 4,700	8,000	4,250	1:7	0.0%	6,450	37.2%
PXS	17/11/20	6,000 – 6,400	11,000	5,300	1:4	0.0%	9,000	40.6%

Các trạng thái đã cắt lỗ

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Mức lỗ	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
VSH	09/11/20	20,500 – 21,000	30,000	18,900	1:4	-10.0%	19,281	-8.2%
MFS	30/12/20	27,300 – 29,000	39,000	26,300	1:4	-9.3%	33,900	16.9%
BWE	30/12/20	30,800 – 33,300	42,800	29,300	1:2.3	-12.0%	33,765	1.4%
CMX	31/12/20	17,000 – 18,500	25,000	16,200	1:3	-12.4%	20,000	8.1%

2. Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)
Các mã được điều chỉnh giá mục tiêu

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN / Tổng số KN	Giá khi khuyến nghị	Giá mục tiêu cũ	Upside ban đầu	Tổng mức biến động	Ngày đóng khuyến nghị	Giá mục tiêu mới	Điều chỉnh giá mục tiêu
ACB*	28/9/20	1 / 2	22,500	27,400	27.5%	26.7%	5/2/21	36,350	+32.7%
VPB*	28/9/20	1 / 2	22,800	27,400	20.2%	62.3%	5/2/21	40,000	+46.0%
MBB*	28/9/20	1 / 2	17,087	20,000	17.0%	44.8%	5/2/21	27,000	+35.0%
SBT*	2/11/20	1 / 2	18,500	22,200	20.0%	11.1%	8/2/21	24,000	+8.1%
MWG*	31/7/20	1 / 2	73,470	123,000	67.4%	74.9%	8/2/21	154,500	+25.6%
PNJ*	31/7/20	1 / 2	51,000	74,200	45.5%	58.6%	8/2/21	86,000	+15.9%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

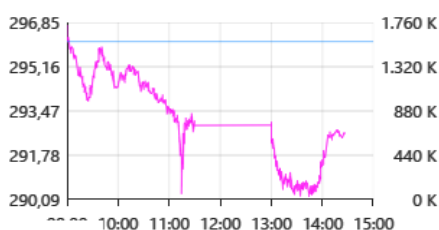
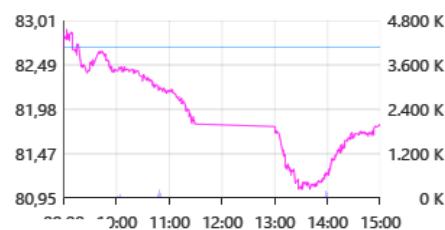
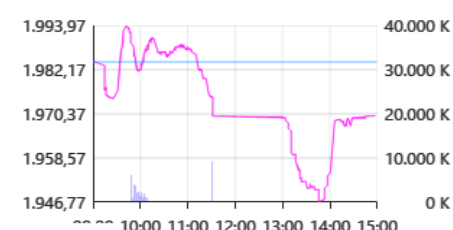
FACTSET DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG TUẦN QUA
BIẾN ĐỘNG PHIÊN CUỐI TUẦN

Chỉ số	Điểm số	Biến động	Điểm	Khối lượng GD (triệu CP)	Giá trị GD (tỷ đồng)	Số mã tăng	Số mã không đổi	Số mã giảm
VN - Index	1238.71	-0.68%	-8.54	986.88	21759.8	81	36	355
Vn30 - Index	1276.87	-0.57%	-7.33	258.89	11065.4	7	2	21
Vn - Mid	1515.25	-1.16%	-17.86	376.49	6052.1	7	2	61
HNX - Index	293.11	-1.02%	-3.01	225.03	3831.7	52	49	183
Upcom - Index	81.79	-1.10%	-0.91	141.75	1524.7	160	77	217
VNX-ALL	1969.83	-0.73%	-14.54	1054.38	23143.1	67	27	329

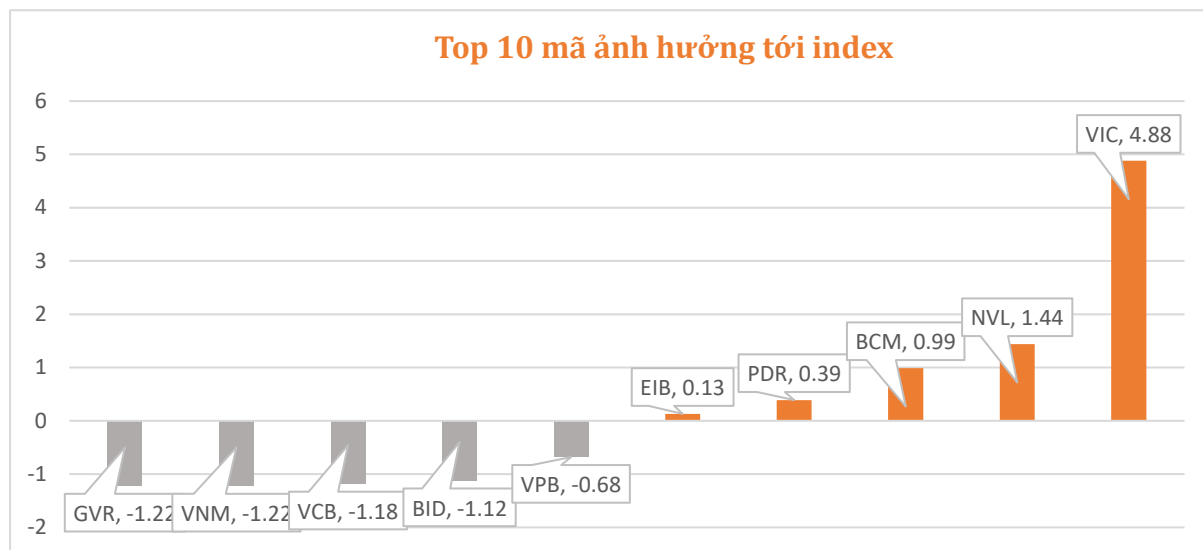
BIẾN ĐỘNG TRONG PHIÊN
VN-INDEX

VN30

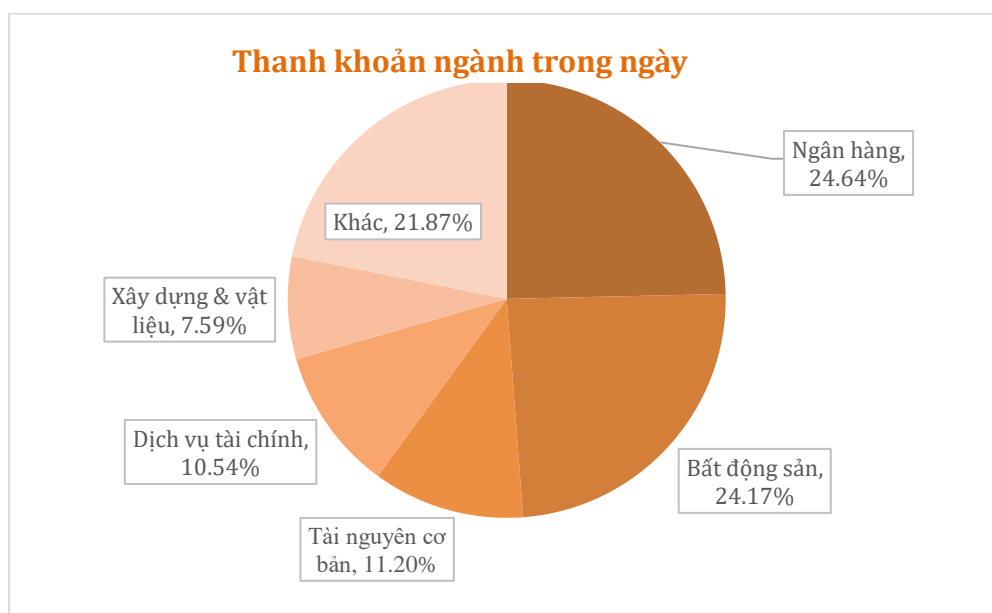
VN-MID

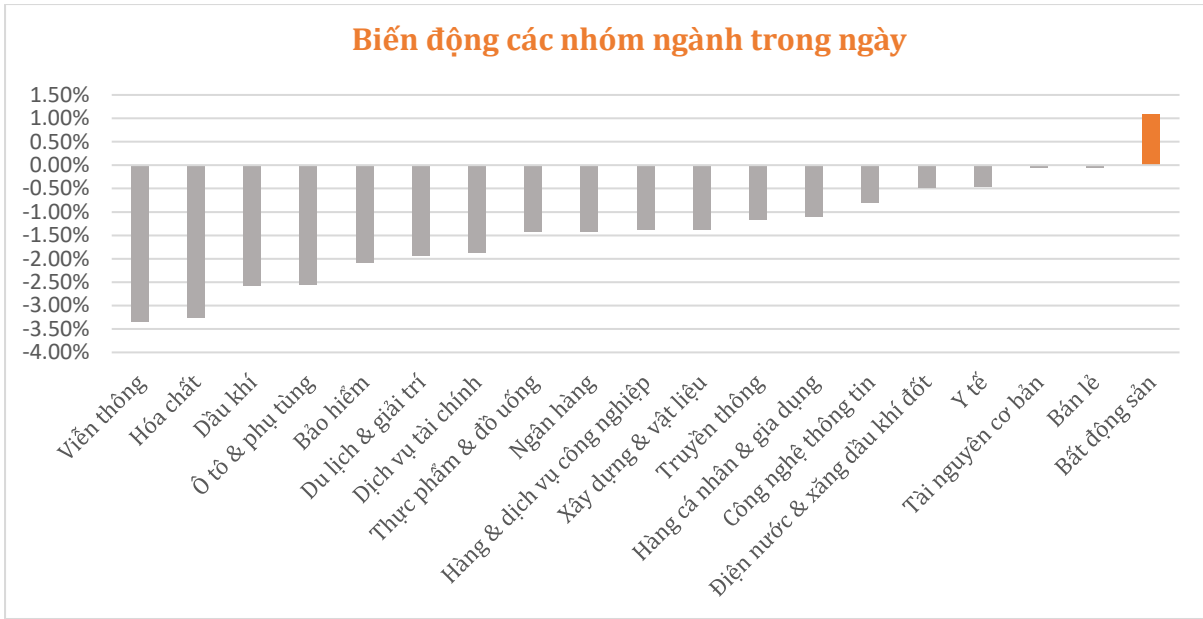
HNX-INDEX

UPCOM

VNX-ALL

THANH KHOẢN PHIÊN CUỐI TUẦN

Sàn	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Thay đổi so với phiên trước	Khối lượng giao dịch (triệu CP)	Thay đổi so với phiên trước
HSX	21,759.84	5.40%	986.88	22.37%
HNX	3831.74	18.99%	225.03	30.80%

CỔ PHIẾU NỔI BẬT TRONG PHIÊN


Top KLGĐ (triệu cổ phiếu)		Top GTGD (tỷ đồng)		Đột biến khối lượng (%KL/KL10 phiên)		Top tăng điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)		Top giảm điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)	
ROS	101.77	HPG	1549.2	LCM	845.3%	TIG	+9.6%	DST	-9.4%
FLC	61.85	STB	920.63	TVC	315.6%	KLF	+9.5%	ACM	-8.3%
STB	41.48	CTG	909.71	ROS	284.5%	ROS	+6.9%	PAN	-7.5%
ITA	35.55	FLC	845.26	FLC	193.1%	TVC	+6.7%	YEG	-7.0%
HQC	33.59	ROS	783.77	HAI	187.5%	MHC	+6.6%	DLG	-6.8%

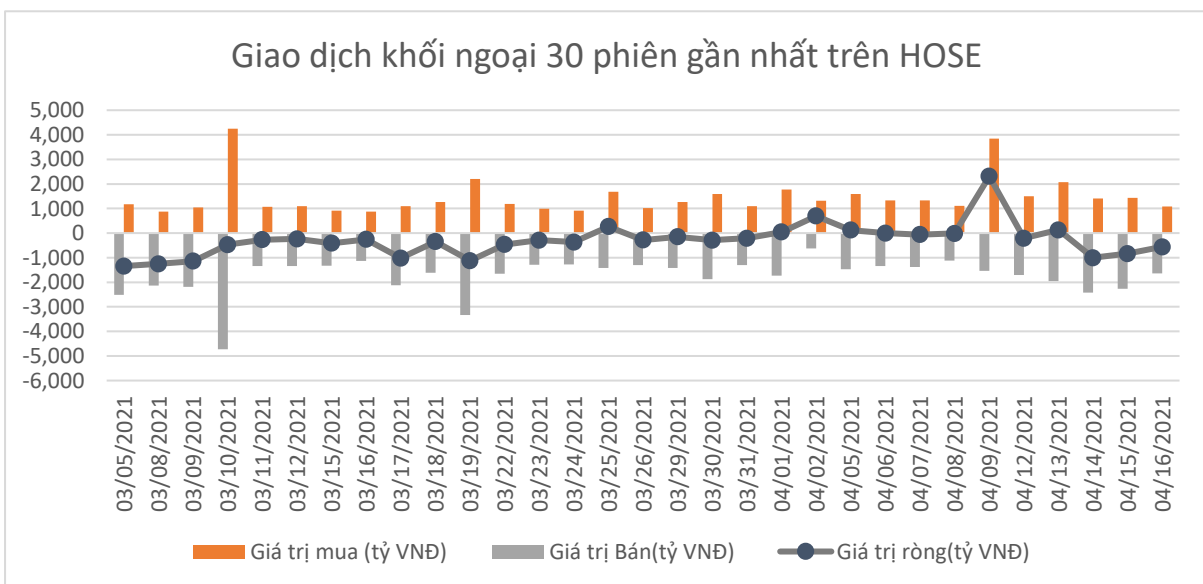
NHÓM NGÀNH




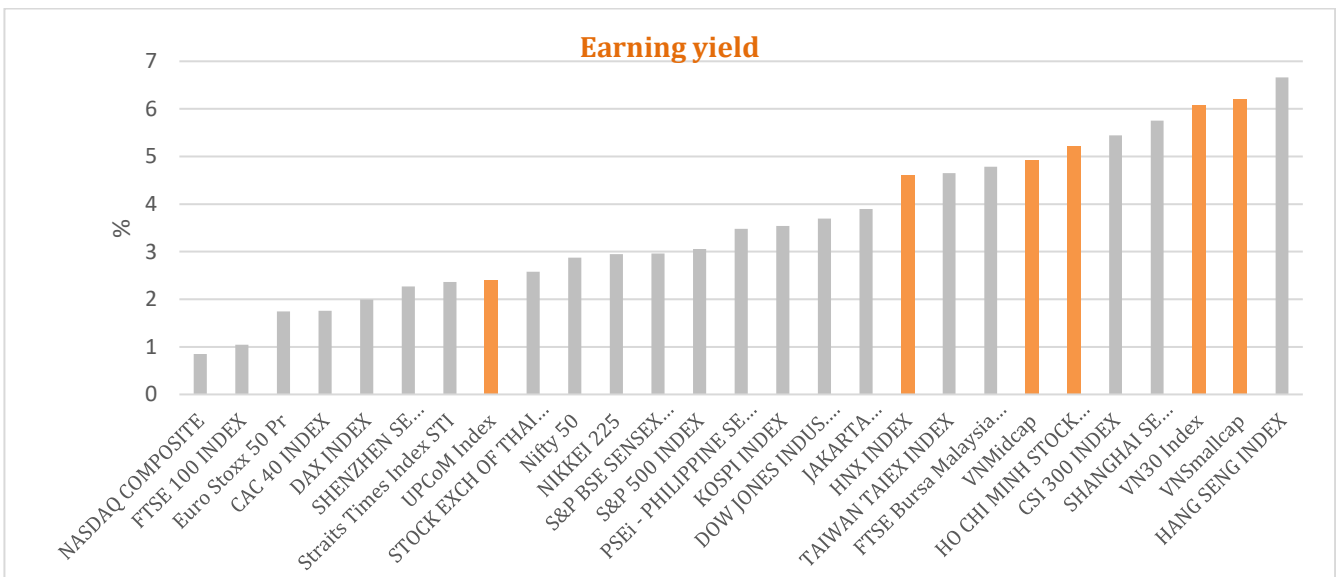
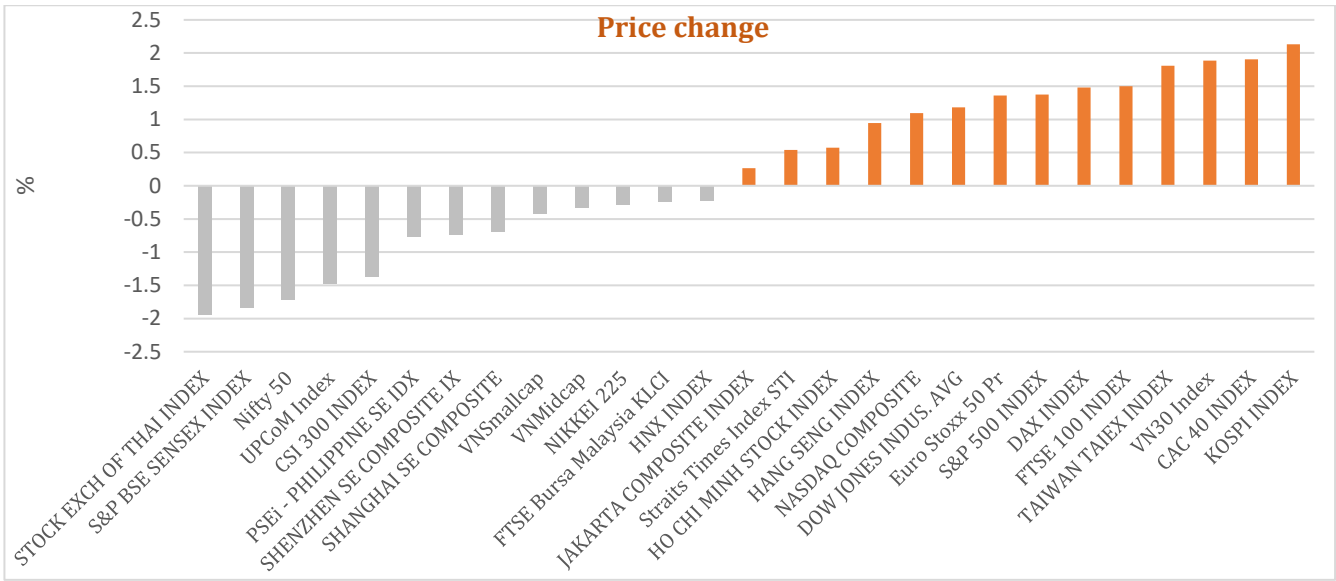
GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE bán ròng 560.83 tỷ đồng còn trên HNX mua ròng 29.04 tỷ đồng.

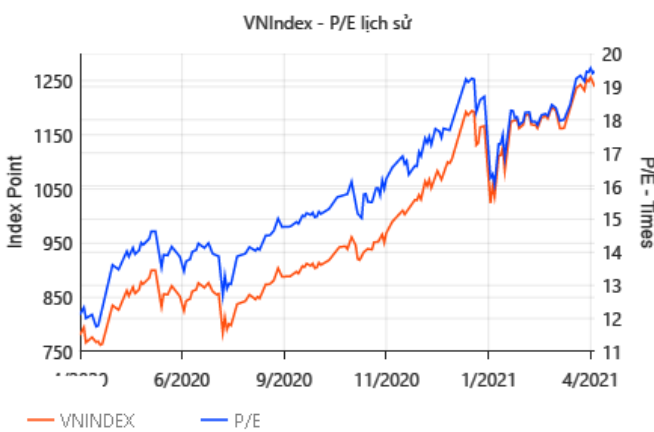
Top CP mua ròng	Giá trị mua ròng (tỷ đồng)	Top CP bán ròng	Giá trị bán ròng (tỷ đồng)
NVL	89.83	VHM	180.89
MBB	43.28	HPG	155.93
VND	35.88	VNM	148.97
FLC	35.26	CTG	55.85
FUEVFNVD	25.83	BID	34.59



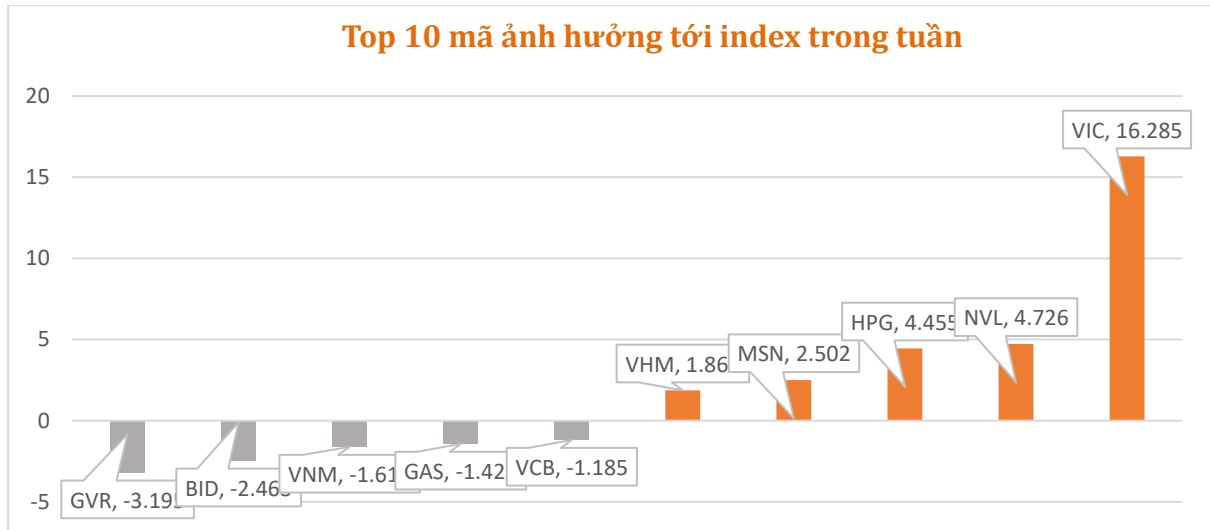
BIẾN ĐỘNG CỦA CÁC CHỈ SỐ CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU TRONG TUẦN



ĐỊNH GIÁ THỊ TRƯỜNG (P/E lịch sử 12 tháng gần nhất)

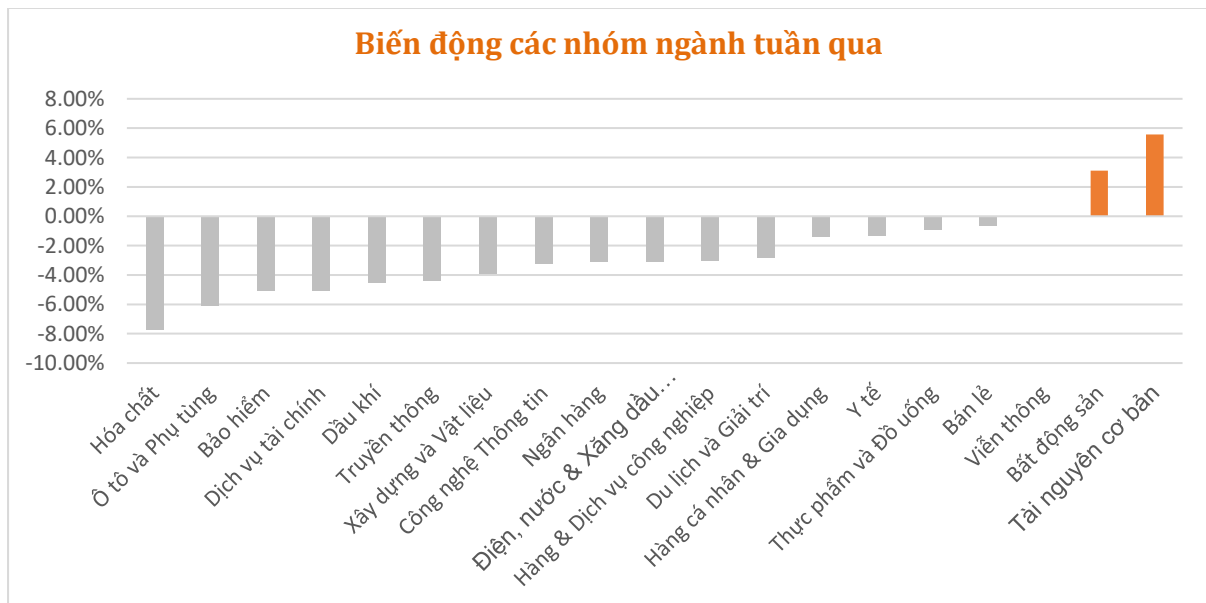


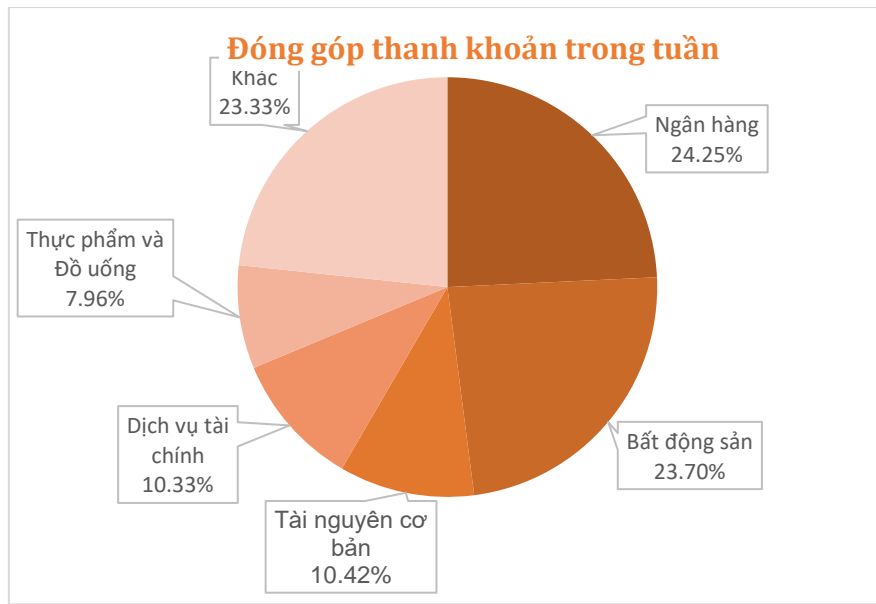
CỔ PHIẾU NỔI BẬT TUẦN QUA



Top KLGD (triệu cp/phiên)		Top GTGD (tỷ đồng/phiên)		Đột biến khối lượng (KLtuan/ KL3thang) đv: lần		Top tăng điểm với thanh khoản cao		Top giảm điểm với thanh khoản cao	
ROS	54.0	HPG	1,497.0	YEG	4.96x	KLF	50.0%	YEG	-30.3%
STB	41.9	STB	955.0	QBS	4.50x	VHG	39.2%	QBS	-20.4%
FLC	41.7	CTG	666.3	KLB	3.19x	ROS	36.2%	TCH	-13.1%
ITA	33.9	SSI	621.9	VHG	3.18x	TGG	36.2%	CEO	-12.3%
HPG	28.6	VHM	608.6	MHC	3.07x	AMD	34.3%	S99	-12.2%

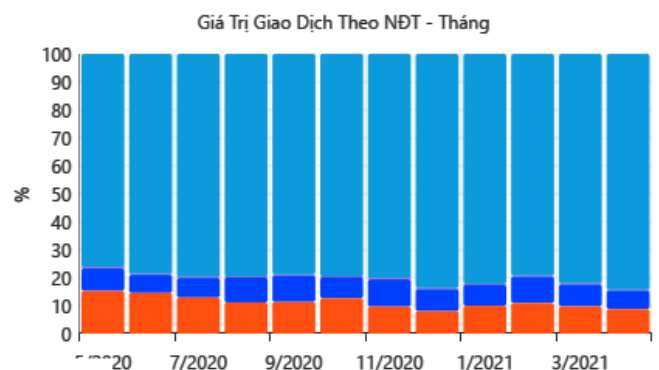
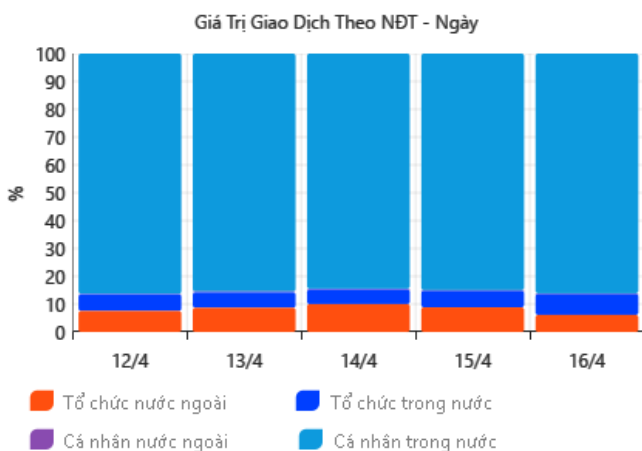
NHÓM NGÀNH TRONG TUẦN





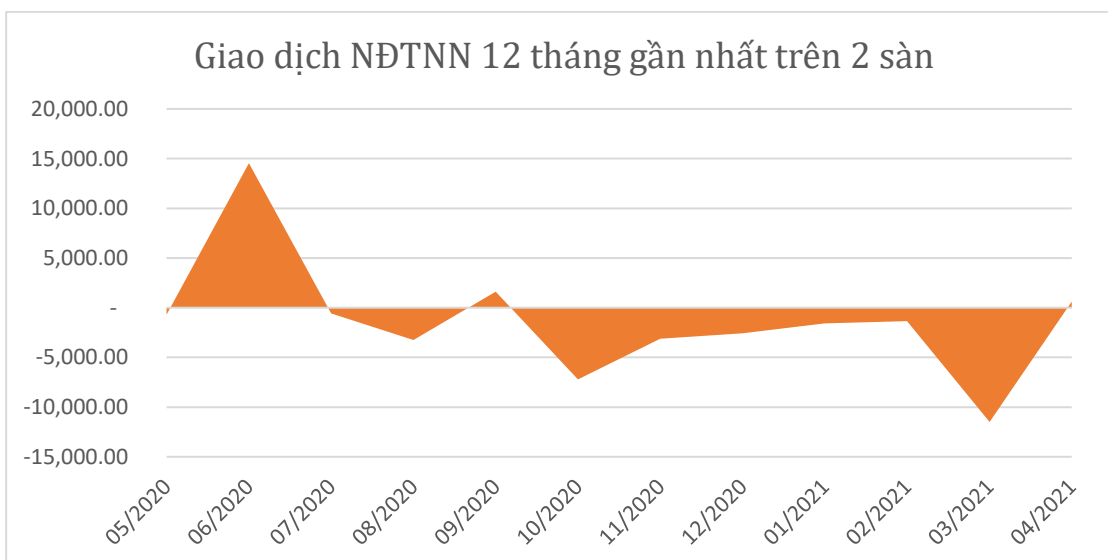
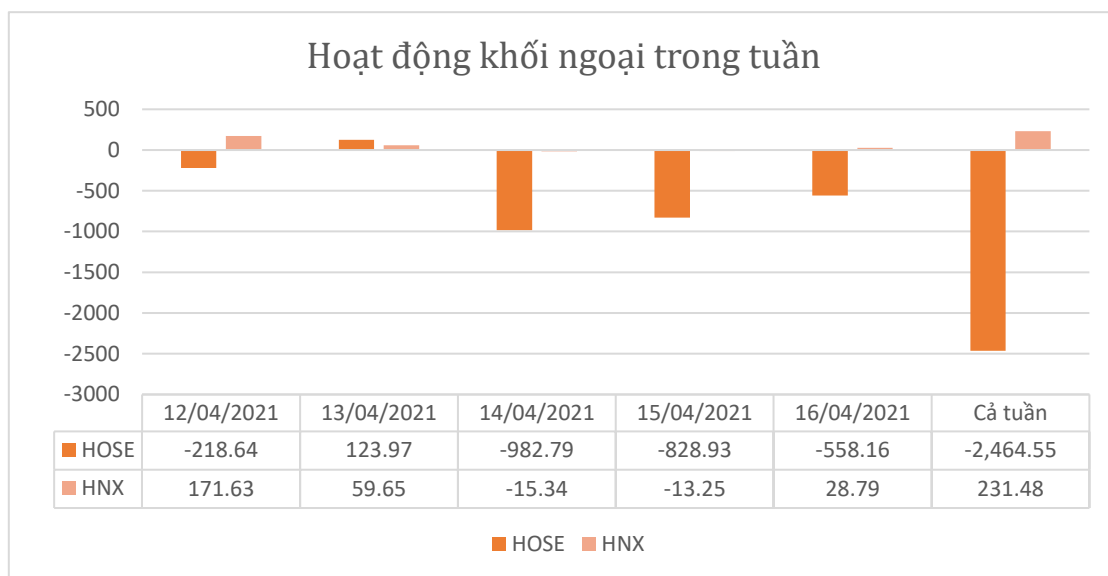
DÒNG TIỀN TRÊN THỊ TRƯỜNG GIAO DỊCH THEO NHÀ ĐẦU TƯ

Top giao dịch của Cá nhân			Top giao dịch của Tổ chức		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
HPG	10.19%	12,592.24	VIC	14.49%	3,311.64
STB	-2.64%	8,639.45	VHM	2.12%	2,320.66
TCB	-2.76%	6,154.43	HPG	10.19%	2,196.22
CTG	-1.18%	6,052.59	VNM	-2.91%	1,626.35
SSI	-3.55%	5,725.12	VPB	3.71%	1,599.49



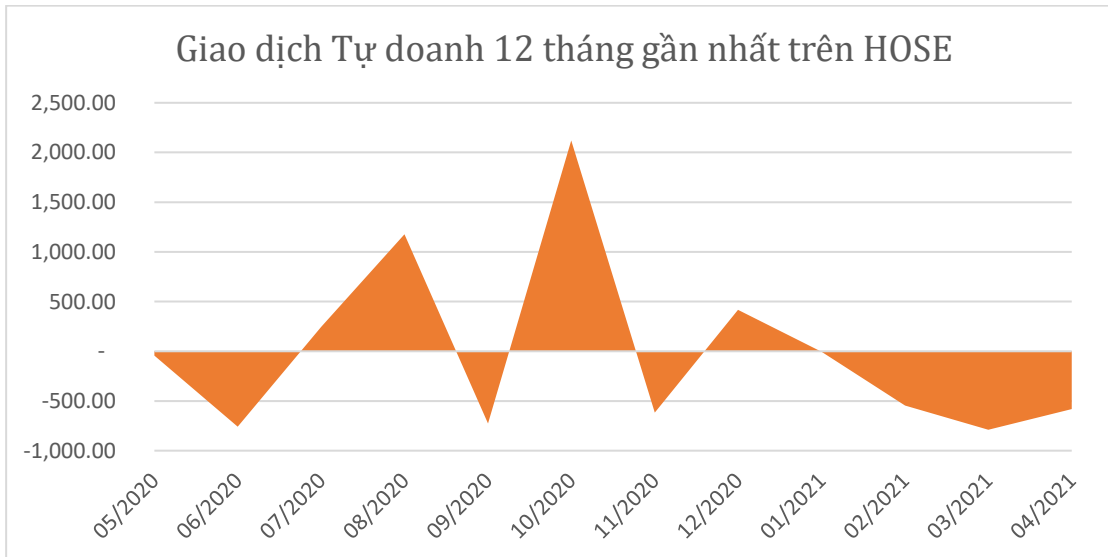
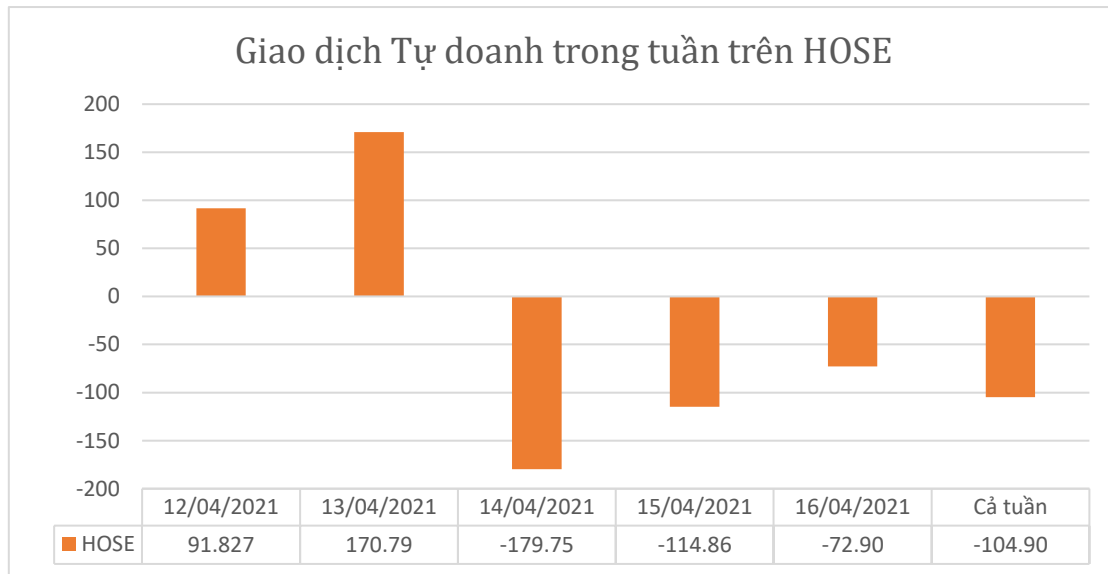
KHỐI NGOẠI

Top khối ngoại mua ròng			Top khối ngoại bán ròng		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
NVL	20.00%	404.73	VHM	2.12%	1,109.13
VIC	14.49%	357.09	VNM	-2.91%	392.26
FUESSVFL	-2.10%	227.35	CTG	-1.18%	330.73
MSN	8.69%	135.61	HPG	10.19%	244.49
STB	-2.64%	115.54	BID	-5.19%	205.56



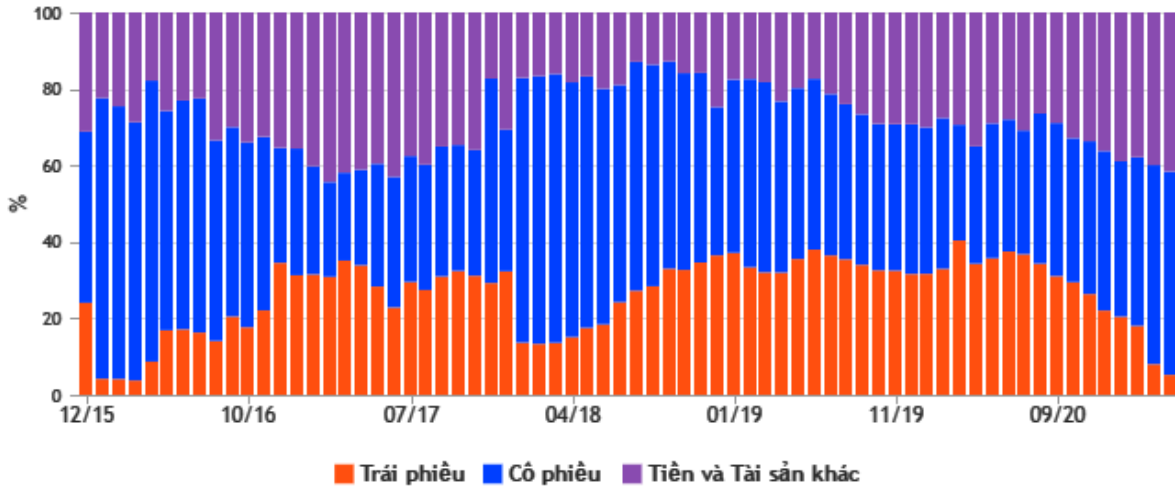
HOẠT ĐỘNG TỰ DOANH CỦA CÁC CTCK TRÊN HOSE

Top Tự doanh Mua ròng			Top Tự doanh Bán ròng		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
E1VFN30	2.38%	147.72	FUESSVFL	-2.10%	229.34
CTG	-1.18%	88.87	FUEVFNVD	1.01%	118.71
FPT	-2.92%	80.45	GVR	-10.53%	65.65
VPB	3.71%	79.63	KBC	-4.29%	44.04
STB	-2.64%	48.25	MSN	8.69%	36.07

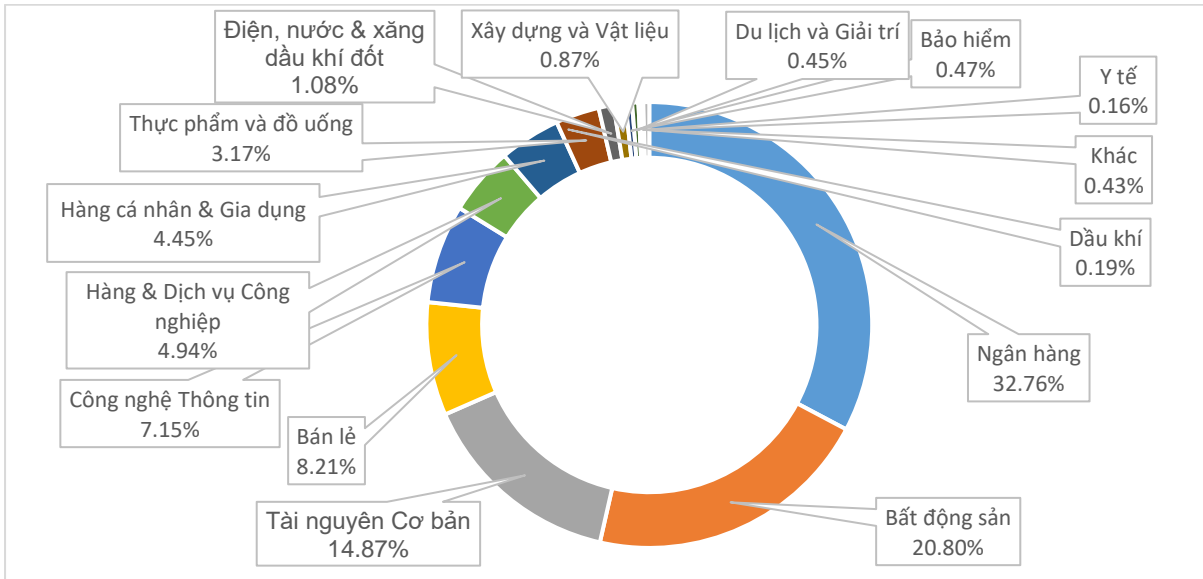


TỔ CHỨC (40 quỹ do finpro platform theo dõi)

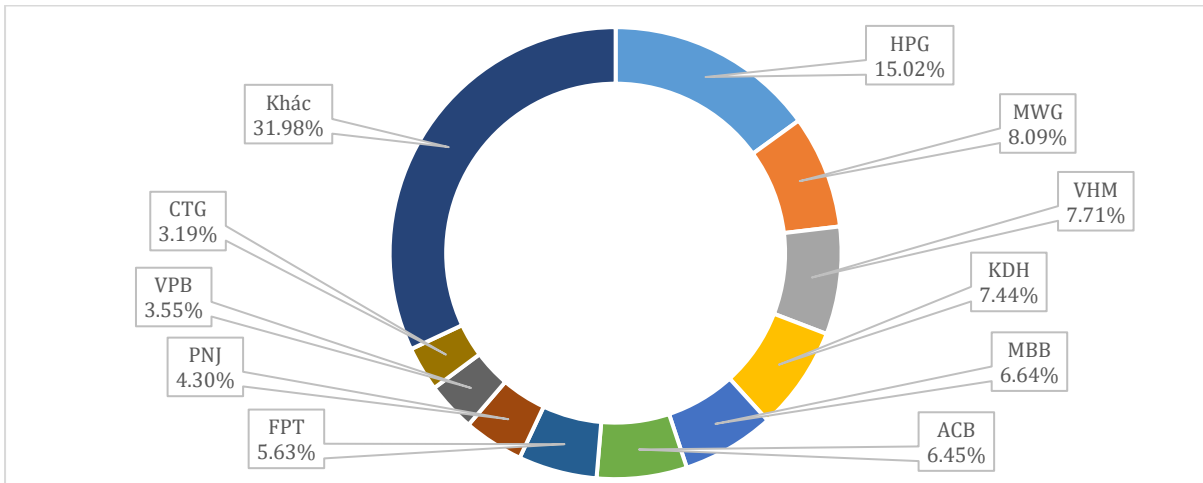
Phân bố tài sản



Phân bố các khoản đầu tư theo ngành



Các cổ phiếu được nắm giữ nhiều nhất



LỊCH SỰ KIẾN TUẦN TỚI

Mã CK	Sàn	Nội dung sự kiện	Ngày GD không hưởng quyền	Ngày đăng ký cuối cùng	Ngày thực hiện
PXS	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	19/04/21	20/04/21	19/04/21
CKV	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	19/04/21	20/04/21	19/04/21
PRC	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (500 đ/cp)	19/04/21	20/04/21	14/05/21
CNN	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	19/04/21	20/04/21	19/04/21
DRL	HSX	ĐHĐCĐ thường niên 2021			19/04/21
EVF	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	19/04/21	20/04/21	19/04/21
FTI	Upcom	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021	19/04/21	20/04/21	19/04/21
HLY	HNX	Hủy niêm yết 1.000.000 cổ phiếu			19/04/21
SDP	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	19/04/21	20/04/21	19/04/21
TDT	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	19/04/21	20/04/21	19/04/21
HMH	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	19/04/21	20/04/21	19/04/21
VMG	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	19/04/21	20/04/21	19/04/21
CVT	HSX	Trả cổ tức năm 2020 (2.000 đ/cp)	19/04/21	20/04/21	06/05/21
SSI	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	19/04/21	20/04/21	22/05/21
C12	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	19/04/21	20/04/21	19/04/21
NNC	HSX	Tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2020 (1.800 đ/cp)	19/04/21	20/04/21	05/05/21
VLW	Upcom	ĐHĐCĐ thường niên 2021 và nhiệm kỳ 2021-2026	19/04/21	20/04/21	19/04/21
PGI	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			19/04/21
CJC	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020	19/04/21	20/04/21	19/04/21
HAR	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	19/04/21	20/04/21	19/04/21
VIE	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	20/04/21	22/04/21	20/04/21
GMC	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	20/04/21	21/04/21	20/04/21
MAS	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	20/04/21	22/04/21	20/04/21
ATG	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 lần 3			20/04/21
AMV	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020	20/04/21	22/04/21	20/04/21
NNB	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	20/04/21	22/04/21	20/04/21
POM	HSX	ĐHCĐ thường niên năm 2021	20/04/21	22/04/21	27/05/21
HAI	HSX	ĐHCĐ thường niên năm 2021	20/04/21	22/04/21	20/04/21
TDG	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			20/04/21
HEC	Upcom	ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2020	20/04/21	22/04/21	20/04/21
GCB	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	20/04/21	22/04/21	20/04/21
SKH	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	20/04/21	22/04/21	20/04/21
SRF	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2020			20/04/21
THD	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	20/04/21	22/04/21	20/04/21
AMD	HSX	ĐHCĐ thường niên năm 2021	20/04/21	22/04/21	20/04/21
SHE	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	20/04/21	22/04/21	20/04/21

Mã CK	Sàn	Nội dung sự kiện	Ngày GD không hưởng quyền	Ngày đăng ký cuối cùng	Ngày thực hiện
DC4	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	21/04/21	22/04/21	22/05/21
HDC	HSX	ĐHĐCĐ thường niên 2021			21/04/21
VAF	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	22/04/21	23/04/21	17/05/21
GMA	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	22/04/21	23/04/21	22/04/21
SSI	HSX	Giao dịch 46.859.491 cp niêm yết bổ sung		09/04/21	22/04/21
FMC	HSX	Giao dịch 9.806.000 cp niêm yết bổ sung			22/04/21
ROS	HSX	ĐHCĐ thường niên năm 2021	22/04/21	23/04/21	22/04/21
HHG	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	22/04/21	23/04/21	22/04/21
HBE	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	22/04/21	23/04/21	22/04/21
GND	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	22/04/21	23/04/21	22/04/21
VPI	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	22/04/21	23/04/21	22/04/21
CLC	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	22/04/21	23/04/21	27/05/21
MEL	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	22/04/21	23/04/21	22/04/21
FIT	HSX	ĐHĐCĐ TN năm 2021			22/04/21
HPG	HSX	ĐHCĐ thường niên năm 2021			22/04/21
TDW	HSX	ĐHĐCĐ Thường niên năm 2021			22/04/21
PXM	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	22/04/21	23/04/21	22/04/21
KHP	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			22/04/21
MCG	HSX	ĐHĐCĐ thường niên 2021			22/04/21
PHC	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			22/04/21
HPG	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			22/04/21
TDP	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			22/04/21
MIG	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			22/04/21
STB	HSX	ĐHĐCĐ TN năm tài chính 2020			23/04/21
MCT	Upcom	Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	23/04/21	26/04/21	23/04/21
BCG		Giao dịch 67.462.380 cp niêm yết bổ sung		23/04/21	23/04/21
POW	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	23/04/21	26/04/21	27/05/21
VNC	HNX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000 đ/cp)	23/04/21	26/04/21	20/05/21
STB	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2020			23/04/21
SVT	HSX	ĐHĐCĐ thường niên 2021			23/04/21
DBT	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2020			23/04/21
PMJ	Upcom	Tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2021	23/04/21	26/04/21	23/04/21
AAA	HSX	ĐHCĐ thường niên năm 2021	23/04/21	26/04/21	23/04/21
SSC	HNX	ĐHCĐ thường niên năm 2021			23/04/21
HKT	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	23/04/21	26/04/21	23/04/21
VID	HSX	ĐHĐCĐ thường niên 2021			23/04/21

Mã CK	Sàn	Nội dung sự kiện	Ngày GD không hưởng quyền	Ngày đăng ký cuối cùng	Ngày thực hiện
TST	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020	23/04/21	26/04/21	23/04/21
BAX	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (13.093 đ/cp)	23/04/21	26/04/21	26/05/21
SVT	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			23/04/21
TPB	HSX	ĐHĐCĐ thường niên 2021			23/04/21
TPB	HSX	ĐHCĐ thường niên năm 2021			23/04/21
HDB	HSX	ĐHĐCĐTN 2021			23/04/21
SSC	HNX	ĐHĐCĐ thường niên 2021			23/04/21
PPC	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			23/04/21
PAN	HSX	ĐHĐCĐ thường niên 2021			23/04/21
TV2	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			23/04/21
VMD	HSX	ĐHĐCĐ thường niên 2021			23/04/21
VCB	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			23/04/21
HBC	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	23/04/21	26/04/21	31/05/21
TIP	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			23/04/21
TVS	HSX	ĐHĐCĐ thường niên 2021			23/04/21
COM	HSX	ĐHĐCĐ thường niên 2021			23/04/21
HDB	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2020			23/04/21
HAH	HSX	ĐHCĐ thường niên năm 2021	23/04/21	26/04/21	23/04/21
SMC	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			23/04/21
VMD	HSX	ĐHĐCĐ thường niên 2021			23/04/21
ITA	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			23/04/21
VMD	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			23/04/21
PVR	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	23/04/21	26/04/21	23/04/21
SHI	HSX	ĐHĐCĐ thường niên 2021			23/04/21
DCL	HSX	ĐHĐCĐ thường niên 2021			23/04/21
LBM	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			24/04/21
NKG	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			24/04/21
ADS	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			24/04/21
DQC	HSX	ĐHĐCĐ thường niên 2021			24/04/21
PLP	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			24/04/21
HQC	HSX	ĐHCĐ thường niên năm 2021			24/04/21
NNC	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			24/04/21
PC1	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			24/04/21
ABS	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			24/04/21
TCO	HSX	ĐHĐCĐ thường niên 2021			24/04/21
DBC	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			25/04/21

XẾP HẠNG CỔ PHIẾU

 Chỉ số tham chiếu: **VN - Index.**

 Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

Khuyến nghị	Định nghĩa
Mua	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng $\geq 15\%$ Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Tích lũy	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ 5% đến 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng trung lập
Giảm tỷ trọng	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -15% to -5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực
Bán	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng nhỏ hơn -15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực

XẾP HẠNG NGÀNH

 Chỉ số tham chiếu: **VN - Index**

 Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

Xếp loại	Định nghĩa
Khả quan	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index lớn hơn 5% Hoặc triển vọng ngành tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index từ -5% đến 5% Hoặc triển vọng ngành trung lập
Kém khả quan	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index nhỏ hơn -5% Hoặc triển vọng ngành kém tích cực

KHUYẾN CÁO

Các nhận định trong báo cáo này phản ánh quan điểm riêng của người viết về mã chứng khoán hoặc tổ chức phát hành. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. IVS Securities không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào được đề cập trong bản báo cáo này.

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nhận được thù lao dựa trên các yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng và độ chính xác của nghiên cứu, phản hồi của khách hàng, yếu tố cạnh tranh và doanh thu tổng thể của công ty, bao gồm doanh thu từ/trong số các đơn vị kinh doanh khác. IVS và cán bộ, giám đốc, nhân viên có thể có mối liên hệ đến bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong tài liệu này (hoặc trong bất kỳ khoản đầu tư nào có liên quan).

Báo cáo này đã được chuẩn bị trên cơ sở thông tin được cho là đáng tin cậy tại thời điểm công bố. IVS không tuyên bố hay bảo đảm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin đó. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư tổ chức và khách hàng cá nhân của IVS tại Việt Nam và ở nước ngoài theo luật pháp và quy định có liên quan rõ ràng cho quốc gia nơi báo cáo này được phân phối không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này.

Báo cáo này không được sao chép, xuất bản hoặc phân phối lại bởi bất kỳ đối tượng nào cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của đại diện ủy quyền của IVS. Vui lòng dẫn nguồn khi trích dẫn.

IVS RESEARCH & INVESTMENT STRATEGY				
Thành viên	Vị trí	Phụ trách	Email	Ext.
Võ Thế Vinh	Trưởng phòng	Phân tích & Chiến lược Đầu tư	vinhvt@ivs.com.vn	704
Đỗ Trung Nguyên	Phó phòng	Chiến lược đầu tư	nguyendt@ivs.com.vn	703
Trần Thị Hồng Nhung	Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Ngân hàng	nhungtth@ivs.com.vn	706
Đinh Quang Đạt	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Tiêu dùng	datdq@ivs.com.vn	
Phí Công Linh	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Bất Động sản	linhpc@ivs.com.vn	709

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM	LIÊN HỆ	TRỤ SỞ CHÍNH HÀ NỘI	CHI NHÁNH TP. HCM
 VIETNAM INVESTMENT SECURITIES COMPANY	Điện thoại tư vấn: (024) 35.730.073 Điện thoại đặt lệnh: (024) 35.779.999 Email: ivs@ivs.com.vn Website: www.ivs.com.vn	P9-10, Tầng 1, Chamvit Tower Điện thoại: (024) 35.730.073 Fax: (024) 35.730.088	Lầu 4, Số 2 BIS, Công Trường Quốc Tế, P. 6, Q. 3, Tp.HCM Điện thoại: (028) 38.239.966 Fax: (028) 38.239.696